

Bản án số: 299/2021/HC-PT

Ngày: 20/05/2021

V/v: “*Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Đoàn Văn Vâng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 629/2020/TLPT-HC ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án Hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 13/07/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 854/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1945 (vắng mặt);

Địa chỉ: tổ 2, ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước (văn bản ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 18/05/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước):

Ông Dương Hoài P, sinh năm 1975, là Phó Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Bình Phước (có mặt);

Địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện C, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1946 (vắng mặt);

3.2. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1973 (vắng mặt);

3.3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976 (vắng mặt);

3.4. Ông Nguyễn Trường K, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Người đại diện của bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Trường K (văn bản ủy quyền ghi ngày 20/03/2020):

Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1945 (vắng mặt);

Địa chỉ: tổ 2, ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

3.5. Ông Trần Duy H, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

3.6. Ông Đặng Đình C, sinh năm 1971 (vắng mặt);

3.7. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965 (có mặt);

3.8. Ông Nguyễn Trọng T (có mặt);

Cùng địa chỉ: tổ 2, ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

3.9. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: tổ 1, ấp 7, xã Minh T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

3.10. Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1988 (có mặt);

3.11. Ông Nguyễn Trọng L, sinh năm 1978 (có mặt);

Cùng địa chỉ: tổ 9, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

3. Người kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Trọng T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Trọng H, ông Nguyễn Trọng L (là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là ông Nguyễn Mạnh H (cũng là người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Trường K) trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Vào năm 1993 ông Điều G (cùng vợ là bà Lâm Thị H) khai phá được khoảng 14 ha đất rẫy tại khu vực ấp 5, xã N, huyện B (nay là ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước).

Cùng vào lúc đó, ông Lê Thanh T (là người ở Thành phố Hồ Chí Minh) đến Bình Phước để nhận hợp đồng khai hoang đất; ông Lê Thanh T giao cho ông Lâm Thanh (trú tại xã N, huyện B, nay là huyện C) thực hiện việc công

việc. Đến năm 1994 ông Lê Thanh T giao cho ông Lê Quốc V (là anh trai) và bà Cao Thị Thúy L (là vợ của ông V) tiếp tục khai hoang. Trong quá trình phát dọn, khai hoang đất, vợ-chồng ông V-bà L lấn sang khu đất đã canh tác của gia đình ông Điều G, diện tích lấn chiếm là 4 ha. Vì vậy, ông Điều G làm đơn khiếu nại, gửi đến xã N và Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B.

Vào ngày 10/05/1997, UBND huyện B giải quyết như sau:

-Sau khi trừ các chi phí khai hoang, ông Lê Quốc V và bà Cao Thị Thúy L phải giao trả 04 ha đất đã lấn chiếm cho gia đình ông Điều G.

Nhưng vào lúc đó, vợ chồng ông V-bà L đang cho bà Nông Thị N (trú tại ấp 4, xã N) mượn đất để trồng khoai mì, nên chưa thể giao lại đất cho gia đình ông Điều G.

Sau khi thu hoạch mì, bà Nông Thị N không trả đất và tự ý bán (04 ha đất) cho ông Đặng Đình C và ông Trần Duy H với giá là 32 chỉ vàng 24k.

Tại biên bản làm việc ngày 01/04/1998 của UBND xã N, bà Cao Thị Thúy L xác nhận rằng đương sự cho bà Nông Thị N mượn 04 ha đất để trồng mì, không bán đất. Vào ngày 05/04/1998, bà Nông Thị N chỉ ranh giới đất cho nhân viên địa chính huyện B để đo đạc, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) cho ông Đ.

Sau khi được cấp giấy CNQSDĐ, ông Đ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H. Vào ngày 13/03/1999, UBND huyện Bình Long cấp giấy CNQSDĐ cho ông H, số 00027/QSDĐ (đất thuộc thửa đất số 332; 339; 340, tờ bản đồ số 26 tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước).

Khi ông H đưa máy cày vào cày đất để trồng mì thì xảy ra việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Đặng Đình C và ông Trần Duy H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/DSST ngày 13/08/1999 và tại bản án phúc thẩm số 12/DSPT ngày 15/03/2001, Tòa án nhân dân (TAND) huyện B (cũ) và TAND tỉnh Bình Phước đều chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H, như sau: - ông Đặng Đình C và ông Trần Duy H phải trả lại 04 ha đất cho ông Nguyễn Mạnh H (vị trí đất được xác định tại giấy CNQSDĐ mà UBND huyện Bình Long đã cấp cho ông Nguyễn Mạnh H, tọa lạc tại ấp 5, xã Nha Bích, huyện C, tỉnh B, nay là ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông H làm đơn yêu cầu thi hành án. Vào ngày 07/01/2002, cơ quan Thi hành án dân sự (sau đây viết tắt là THADS) tỉnh Bình Phước (nay là Cục THADS tỉnh Bình Phước) đã ra quyết định thi hành án số 02/THA để thi hành án. Sau đó, việc thi hành án được thực hiện trong nhiều năm nhưng chưa thi hành xong.

Vào ngày 02/08/2017 ông H đến Cục THADS tỉnh Bình Phước, thì được biết rằng yêu cầu thi hành án của đương sự bị trả lại (theo quyết định số 27/QĐ-THA ngày 22/04/2008), lý do như sau: giấy CNQSDĐ của ông H đã bị thu hồi theo quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/04/2006 của UBND huyện C, tỉnh Bình Phước.

Ông H làm đơn khiếu nại quyết định số 728/QĐ-UBND nhưng UBND huyện C đã bác bỏ đơn khiếu nại với lý do: đã hết thời hiệu khiếu nại.

Vì vậy, ông H khởi kiện, yêu cầu TAND tỉnh Bình Phước tuyên hủy quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/04/2006 của UBND huyện C, tỉnh Bình Phước về việc thu hồi giấy CNQSDĐ số 00027/QSDĐ ngày 13/03/1999 (đất thuộc thửa đất số 332, 339, 340; tờ bản đồ số 26; đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước).

Người bị kiện là UBND huyện C trình bày ý kiến như sau:

Vào năm 2003 Thanh tra Nhà nước và Phòng Nông nghiệp – Địa chính huyện C tiến hành xác minh theo đơn khiếu nại của ông Đặng Đình C và ông Trần Duy H (khiếu nại việc lập hồ sơ giả mạo làm giấy CNQSDĐ để chiếm đoạt tài sản) (báo cáo số 01/BC-LT ngày 27/10/2003).

Đến ngày 15/03/2006, UBND huyện C ra văn bản số 59/UBND-SX, giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường rà soát lại vụ việc khiếu nại của ông Đặng Đình C và ông Trần Duy H. Ngày 05/04/2006, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C lập bản báo cáo số 03/BC-TNMT về kết quả việc xác minh tranh chấp giữa ông Nguyễn Mạnh H với ông Đặng Đình C và ông Trần Duy H (tên đúng là Trần Duy H) tại xã M; bản báo cáo xác định rằng việc UBND huyện B cấp giấy CNQSDĐ đối với 40.000 m² tại ấp 7, xã M (số 00027/QSDĐ ngày 13/03/1999) cho ông Nguyễn Mạnh H, là cấp trong tình trạng đất đang có tranh chấp (giữa ông C và ông H với ông H) và người được cấp giấy CNQSDĐ (là ông H) không trực tiếp canh tác trên phần đất này.

Căn cứ kết quả xác minh và đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường (và của Thanh tra huyện), UBND huyện C đã ra quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/04/2006 để thu hồi giấy CNQSDĐ số 00027/QSDĐ ngày 13/03/1999 cho ông Nguyễn Mạnh H, với lý do như sau: tại thời điểm cấp giấy CNQSDĐ, phần đất đang có tranh chấp và người được cấp giấy chứng nhận không trực tiếp canh tác trên phần đất đó. Trường hợp này thuộc vào trường hợp chưa có đủ điều kiện để được cấp giấy CNQSDĐ, chiếu theo Mục IV.1 Phần 1 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/03/1998 của Tổng cục Địa chính về việc hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau đó, ông H khiếu nại quyết định thu hồi giấy CNQSDĐ. Chủ tịch UBND huyện C ra quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 bác nội dung đơn khiếu nại của đương sự vì đã hết thời hiệu khiếu nại (ông H đã biết về quyết định số 728/QĐ-UBND khi nhận được quyết định số 27/QĐ-THA ngày 22/04/2008 của THADS tỉnh Bình Phước từ năm 2008, thể hiện tại biên bản làm việc ngày 28/08/2008 giữa THADS tỉnh Bình Phước với ông H).

Vì những lý do nói trên, UBND huyện C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến như sau:

Ý kiến của ông Trần Duy H:

Ông H thừa nhận rằng việc tranh chấp đất (04 ha) giữa ông H, ông C với ông H đã được Tòa án nhân dân (TAND) huyện B (cũ) và TAND tỉnh Bình Phước giải quyết xong.

Tuy nhiên, ông H cho rằng việc UBND huyện B (cũ) cấp giấy CNQSDĐ cho ông H là không đúng vì khi cấp giấy CNQSDĐ, phần đất này vẫn đang có sự tranh chấp giữa ông H với ông Đặng Đình C, bà Nông Thị N, ông Trần Đình T và ông Điều G. Theo ông H, trong 04 ha đất này, ông H mua của bà N 02 ha; ông T mua của bà N 01 ha, ông C mua của bà N 01 ha. Sau khi mua, ông H và ông C đã chuyển nhượng lại cho nhiều người khác. Hiện nay, có 05 người đang trực tiếp trồng cao su và quản lý, sử dụng 04 ha đất tranh chấp, gồm có: ông Nguyễn Trọng H (01 ha); ông Nguyễn Văn H (01 ha); ông Nguyễn Trọng T (0,5 ha); ông Nguyễn Trọng L (0,5 ha); ông Nguyễn Văn L (01 ha).

Mặt khác, khi được cấp giấy CNQSDĐ, ông H vẫn đang có tranh chấp với ông Điều Gi về QSDĐ và hiện nay, ông H cũng không hề biết rõ về diện tích đất mà ông H được cấp.

Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Ý kiến của ông Nguyễn Trọng T:

Trong toàn bộ phần đất mà ông H đang khiếu nại, gia đình ông T đã sử dụng, canh tác ổn định 0,5 ha từ hơn 10 năm nay; ông H không khai phá đất và cũng chưa canh tác gì trên phần đất này, từ trước cho đến ngày nay.

Ông T cho rằng việc ông H được cấp giấy CNQSDĐ là do tự ông H kê khai, làm thủ tục; phần tứ cận tiếp giáp với diện tích đất của ông H theo giấy CNQSDĐ đã được cấp cũng không đúng với tứ cận đất trên thực tế.

Ông Thuận yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Ý kiến của ông Nguyễn Trọng L:

Phần đất mà gia đình ông L đang sử dụng là do đương sự mua của ông Trần Đình T từ đầu năm 2019, diện tích là 0,5 ha, nhưng chưa được cấp giấy CNQSDĐ.

Khi mua đất, trên đó đã có cây cao su (khoảng hơn 20 năm tuổi). Sau đó ông L đã thanh lý toàn bộ và trồng mới bằng cây cao su khác. Trước khi mua đất, ông L cũng biết rằng phần đất này là một phần của toàn bộ đất có tranh chấp trước kia giữa ông G, ông C, ông H.

Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến của ông Nguyễn Trọng H:

Gia đình ông H đang sử dụng 01 ha đất (trong phần đất mà ông H khiếu nại nói trên); phần đất này có nguồn gốc do ông H mua lại của ông Đặng Đình A vào năm 2019.

Khi ông H mua, trên đất đã có cây cao su (khoảng hơn 20 năm tuổi). Đến năm 2019, ông H đã thanh lý toàn bộ số cây cao su cũ và trồng mới toàn bộ

bằng cây cao su khác vào năm 2020. Trước khi mua đất của ông A thì ông cũng biết phần đất này là một phần trong tổng số diện tích đất mà trước kia, có sự tranh chấp giữa ông G, ông C, ông H với ông H.

Ông Hiệp đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn H:

Ông L và ông H, mỗi đương sự hiện nay đang canh tác trên diện tích đất 01 ha; ông L, ông H đồng ý với ý kiến của ông T, ông L và ông H về nguồn gốc đất tranh chấp và yêu cầu Tòa án xét xử theo pháp luật.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 13/07/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H.

Hủy quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/04/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00027/QSDĐ ngày 13/03/1999 đã cấp cho hộ ông Nguyễn Mạnh H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Do có sai sót, vào ngày 24/07/2020, Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định số 03/2020/QĐ-TA để sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 13/07/2020 nói trên.

Vào ngày 28/07/2020, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Trọng T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Trọng H và ông Nguyễn Trọng L, cùng có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/04/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Cnh, tỉnh Bình Phước có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự trình bày ý kiến như sau:

-Người kháng cáo là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Trọng T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Trọng H và ông Nguyễn Trọng L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nói trên và trình bày thêm ý kiến như sau: các đương sự đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng 04 ha đất tranh chấp; ông Nguyễn Mạnh H chưa bao giờ quản lý, sử dụng đất; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Mạnh H là không đúng thủ tục bởi vì vào thời điểm cấp đất (năm 1999), sự tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các bên đương sự chưa được giải quyết xong;

- Ủy ban nhân dân huyện C không kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng vẫn cho rằng việc ra quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/04/2006 để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Mạnh H là đúng quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án xem xét theo luật định;

- Những đương sự khác vắng mặt nhưng không có văn bản nào để thay đổi những ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: các đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng thủ tục tố tụng; kháng cáo của các đương sự là hợp lệ;

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Nguồn gốc 4 ha đất tranh chấp nói trên, là của vợ-chồng ông Điều G-bà Lâm Thị H khai hoang.

Sau đó, ông Điều G-bà Lâm Thị H chuyển nhượng hợp pháp cho ông Nguyễn Mạnh H. Vào ngày 13/03/1999, ông Nguyễn Mạnh H được Ủy ban nhân dân huyện B (hiện nay, phần đất thuộc địa giới của huyện C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Trong các năm 1999; 2001, Tòa án nhân dân huyện Bì, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã xét xử vụ án về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Mạnh H và ông Trần Duy H, ông Đặng Đình C; kết quả là Tòa án đã công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Nguyễn Mạnh H.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/04/2006 để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Mạnh H vào năm 1999; việc làm như vậy của Ủy ban nhân dân huyện Chon Thành là không đúng pháp luật.

Với những ý kiến nói trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Trọng T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Trọng H và ông Nguyễn Trọng L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Mạnh H là người có quyền sử dụng 04 ha đất (thuộc các thửa số 332, 339, 340; tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00027/QSDĐ ngày 13/03/1999 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp.

Vì ông Đặng Đình C và ông Trần Duy H, là những người trực tiếp sử dụng đất, tranh chấp với ông Nguyễn Mạnh H về quyền sử dụng đất, nên ông Nguyễn Mạnh H đã khởi kiện vụ án tại Tòa án, để đòi lại phần đất thuộc quyền sử dụng của đương sự.

[2] Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 17/DSST ngày 13/08/1999 (của Tòa án nhân dân huyện B) và tại bản án Dân sự phúc thẩm số 12/DSPT ngày 15/03/2001 (của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước), Tòa án đã căn cứ vào những chứng cứ của vụ án, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban

nhân dân huyện B đã cấp cho ông Nguyễn Mạnh H vào năm 1999, để xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H, buộc ông Đặng Đình C và ông Trần Duy H phải trả lại 04 ha đất (theo vị trí sơ đồ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Bình Long đã cấp cho ông Nguyễn Mạnh H, đất tọa lạc tại ấp 5, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước; hiện nay là ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước).

[3]Sau khi bản án Dân sự phúc thẩm số 12/DSPT ngày 15/03/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Mạnh Hồng yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Phước thi hành bản án.

Trong khi việc thi hành bản án chưa thực hiện xong, thì vào ngày 13/06/2006, Ủy ban nhân dân huyện C (hiện nay, 04 ha đất tranh chấp nói trên thuộc địa giới của huyện C) ra quyết định số 728/QĐ-UBND để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00027/QSDĐ ngày 13/03/1999 mà Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho ông Nguyễn Mạnh H trước đây.

[4]Ông Nguyễn Mạnh H khiếu nại quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/06/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C theo thủ tục hành chính.

Vào ngày 17/06/2019, Ủy ban nhân dân huyện C ra thông báo số 195/TB-UBND có nội dung như sau: không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Mạnh H vì đã hết thời hiệu khiếu nại.

Vào ngày 31/12/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định giải quyết khiếu nại số 4217/QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Mạnh H; giữ nguyên thông báo số 195/TB-UBND ngày 17/06/2019.

[5]Sau đó, ông Nguyễn Mạnh H khởi kiện vụ án Hành chính, yêu cầu hủy quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/06/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Sau khi thụ lý vụ án Hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H, hủy bỏ quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/06/2006 của UBND huyện C.

[6]Xét thấy việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng pháp luật; lý do như sau:

-Tòa án huyện B (vào năm 1999) và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (vào năm 2001) xét xử việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Mạnh H và ông Đặng Đình C, ông Trần Duy H bằng một vụ án Dân sự, không phải là vụ án Hành chính.

Vì vậy, trong sự giới hạn của một vụ án Dân sự, Tòa án các cấp chỉ xem xét và đánh giá giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00027/QSDĐ ngày 13/03/1999 mà Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Mạnh H, với tính chất là một chứng cứ của vụ án Dân sự; Tòa án không xem xét, đánh giá tính hợp pháp của việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện B.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm lập luận rằng vì các bản án Dân sự trước kia (của Tòa án huyện B và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước) đã xét xử công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông Nguyễn Mạnh Hồng, dẫn đến hậu quả đương nhiên rằng quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/06/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C là không hợp pháp, là không có căn cứ pháp luật.

- Bản chất của việc tranh chấp giữa các bên đương sự trong vụ án này là tranh chấp Dân sự, phải được giải quyết bằng vụ án Dân sự thì mới giải quyết toàn diện việc tranh chấp (xem xét và giải quyết về các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; xem xét về công sức giữ gìn đất và giá trị của những tài sản của đương sự có trên đất.....). Mặt khác, trong khi giải quyết vụ-việc Dân sự, Tòa án vẫn có quyền hủy quyết định hành chính cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đã xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ-việc Dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết (xem Điều 34 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015).

Trong trường hợp đó, đúng ra, khi biết được sự việc Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Mạnh H vào năm 1999 (mà hai cấp Tòa án trước đó, đã căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để xét xử công nhận quyền sử dụng đất cho bên đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý đơn khởi kiện để giải quyết bằng vụ án Hành chính, mà cần phải yêu cầu các đương sự liên quan, hoặc chính Tòa án, có văn bản yêu cầu Tòa án cấp có thẩm quyền xem xét lại hai bản án của Tòa án nhân dân huyện B (năm 1999) và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (năm 2001), theo thủ tục tái thẩm vì có tình tiết mới được phát hiện (là quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/06/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C) có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của hai bản án mà Tòa án đã xét xử. Sau đó, trong trường hợp Tòa án cấp trên (có thẩm quyền) hủy các bản án đã có hiệu lực pháp luật trước đây, thì cần nhập các vụ án đó (vụ án Dân sự) với vụ án này (vụ án Hành chính) để giải quyết chung trong một vụ án, bởi vì về bản chất, tranh chấp giữa các đương sự với nhau, là tranh chấp Dân sự, phải được giải quyết bằng vụ án Dân sự, không thể giải quyết riêng biệt yêu cầu của ông Nguyễn Mạnh H (đòi hủy bỏ quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/06/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C) bằng một vụ án Hành chính.

[7] Với những tình tiết và chứng cứ phân tích nói trên, Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 203; Điều 220; Điều 241; Điều 242 của Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

1/Hủy bản án sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 13/07/2020 (kèm theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm, số 03/2020/QĐ-TA ngày 24/07/2020) của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/Về án phí: đương sự không phải chịu. Trả lại cho các đương sự: ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Trọng T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Trọng H và ông Nguyễn Trọng Long, tổng cộng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 015345, quyển số 0307 ngày 26/08/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng